

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ NỔI BẬT CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU NĂM 2009 VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM

TS. Nguyễn An Hà
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Trong gần một thập niên đầu thế kỉ 21, Liên minh Châu Âu đã có những bước tiến quan trọng trong quá trình tăng cường liên kết cả về chiều rộng và chiều sâu của mình. Trong bối cảnh cả thế giới chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, việc Hiệp ước Lisbon được phê chuẩn và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 là một sự kiện chính trị quan trọng, thể hiện nỗ lực thúc đẩy hơn nữa quá trình liên kết khu vực của EU. Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu cũng làm cho Liên minh Châu Âu lâm vào suy thoái nặng nề nhất trong lịch sử hình thành và phát triển kể từ năm 1950 đến nay và càng làm gay gắt thêm những những vấn đề của EU trong quá trình nhất thể hóa của mình. Bài viết này sẽ giới thiệu một số nét mới của Hiệp ước Lisbon, phân tích một số tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu tới Liên minh Châu Âu trong năm 2009, và đưa ra dự báo xu thế phát triển của EU trong năm 2010.

I. Hiệp ước Lisbon tăng cường quá trình liên kết, nhất thể hóa khu vực Liên minh Châu Âu

Kể từ Hiệp ước Maastricht, hiệp ước thành lập Liên minh Châu Âu năm 1992 đến

nay, liên kết khu vực của EU dựa trên ba trụ cột chính là: liên kết kinh tế; ngoại giao và an ninh chung; hợp tác tư pháp và nội vụ. Trụ cột kinh tế đã đạt tới mức độ liên kết rất cao với thị trường thống nhất, liên minh kinh tế tiền tệ với đồng tiền chung, chính sách nông nghiệp chung, chính sách về cơ cấu và phát triển vùng chung... Trong liên kết kinh tế, EU được xem như một cộng đồng mà việc hoạch định chính sách liên quan tới các lĩnh vực kể trên đã được các nước thành viên chuyển giao cho các thể chế siêu quốc gia quyết định. Về trụ cột chính sách đối ngoại và an ninh chung, mặc dù EU mong muốn có được sự thống nhất giữa các nước thành viên để tạo sức mạnh, uy thế cho Liên minh trong các vấn đề quốc tế, tuy nhiên việc ra quyết định vẫn dựa vào cơ chế liên chính phủ, đòi hỏi sự đồng thuận hay nói một cách khác các nước đều có quyền phủ quyết. Còn trụ cột về tư pháp và nội vụ, ngoài một số nội dung liên quan tới cộng đồng kinh tế, nhìn chung đây vẫn là những lĩnh vực "nhạy cảm" thuộc thẩm quyền của các nước thành viên. Năm 2004, với tham vọng thúc đẩy nhanh quá trình nhất thể hóa của mình, Liên minh Châu Âu đã đưa ra Dự thảo Hiệp ước Hiến pháp, tuy nhiên bản Hiến pháp này đã không được

phê chuẩn. sau khi không vượt qua các cuộc trưng cầu dân ý ở Pháp và Hà Lan. Hiệp ước Lisbon được soạn thảo từ năm 2007, đã phải phải điều chỉnh một số nội dung để vượt qua được cuộc trưng cầu dân ý tại Ailen năm 2008, và đến phút chót mới được Cộng hòa Séc phê chuẩn để bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2009. Hiệp ước Lisbon không chỉ thay đổi cơ chế hoạch định chính sách liên quan tới hơn 70 điều luật trong đó bổ sung thêm nhiều nội dung từ luật về sở hữu trí tuệ, năng lượng, vũ trụ, nghiên cứu khoa học công nghệ tới du lịch, thể thao, ngăn chặn tội phạm, bảo vệ dân sự, hợp tác quản lý hành chính, hỗ trợ nhân đạo v.v... Có thể thấy rằng Hiệp ước Lisbon tác động tích cực tới tiến trình nhất thể hóa Liên minh Châu Âu ở một số khía cạnh chủ yếu sau:

Thứ nhất: Thúc đẩy quá trình liên kết khu vực bằng những cải cách về thể chế và cơ chế hoạch định chính sách.

Như đã trình bày ở trên, trụ cột cộng đồng kinh tế đạt tới mức độ liên kết cao nhất, mà sự khác biệt cơ bản trong việc hoạch định chính sách giữa trụ cột này với hai trụ cột còn lại là cơ chế đa số đủ thẩm quyền QMV hay thiểu số phức tạp đa số, không nước nào có quyền phủ quyết những chính sách mang lại lợi ích chung cho Liên minh. Hiệp ước Lisbon đã chuyển một số nội dung của trụ cột tư pháp và nội vụ sang cơ chế đa số đủ thẩm quyền. Mặt khác, thủ tục đa số đủ thẩm quyền cũng sẽ được đơn giản hóa thành thủ tục "đa số kép", sẽ chính thức có hiệu lực vào 2014, theo đó việc phê chuẩn chính sách

chỉ phải đạt được hai tiêu chí: đa số nước thành viên với 55% số nước và đa số dân chúng đại diện cho 65% dân số. Cơ chế bỏ phiếu này sẽ góp phần làm cho quá trình hoạch định chính sách của EU minh bạch và hiệu quả hơn, đòi hỏi các nước thành viên phải nỗ lực hơn, tránh được sự bế tắc khi lợi ích của đa số có những mâu thuẫn với thiểu số.

Hiệp ước Lisbon đã thay thế chế độ chủ tịch luân phiên giữa các nước thành viên, với nhiệm kỳ 6 tháng bằng một chế độ Chủ tịch Thường trực với nhiệm kỳ 2 năm 6 tháng. Nhiệm vụ của Chủ tịch Thường trực EU là chủ trì các cuộc họp thượng đỉnh các nguyên thủ các quốc gia thành viên và tạo nên sự đoàn kết thống nhất trong Liên minh. Với chế độ Chủ tịch Thường trực nhiệm kỳ dài hơn, các định hướng chính sách của EU sẽ được thống nhất hơn và hiệu quả hơn. Tại Hội nghị thượng đỉnh Hội đồng Châu Âu vào ngày 18-19 tháng 11 năm 2009, ông Herman Van Rompuy - cựu Thủ tướng Hà Lan đã được bầu là Chủ tịch đầu tiên theo tinh thần của Hiệp ước Lisbon. Cơ cấu của Ủy ban Châu Âu đến năm 2014 sẽ từ 27 thành viên (theo cơ chế mỗi nước có một đại diện), giảm xuống còn 17 thành viên, như vậy sẽ tạo nên một Ủy ban không mang tính đại diện cho các nước thành viên và sẽ thực sự là một thể chế siêu quốc gia hoạt động vì lợi ích chung của toàn Liên minh.

Thứ hai, Tăng cường dân chủ và minh bạch trong quá trình hoạch định chính sách của Liên minh Châu Âu.

Một mặt, Hiệp ước Lisbon tăng cường vai trò của Quốc hội Châu Âu cũng như Quốc hội các nước thành viên trong hoạch định chính sách. Cùng với việc chuyển từ thủ tục đồng quyết định sang thủ tục lập pháp thông thường liên quan tới hơn 70 lĩnh vực, mà theo đó quyền lập pháp của Quốc hội EU được tăng cường, Hiệp ước Lisbon còn mở rộng thủ tục phê chuẩn ngân sách của Liên minh Châu Âu so với các Hiệp ước trước đây, theo đó, Quốc hội Châu Âu có thẩm quyền với các khoản ngân sách bắt buộc và không bắt buộc¹. Hiệp ước Lisbon cũng mở rộng thẩm quyền cho Quốc hội Châu Âu trong việc phê chuẩn các hiệp định quốc tế mà EU ký với các đối tác trên thế giới. Hiệp ước Lisbon đã phần nào giải quyết vấn đề “mất dân chủ” về lập pháp giữa Quốc hội các nước thành viên với Quốc hội Châu Âu bằng cách tăng thẩm quyền đối với Quốc hội các nước thành viên trong việc giám sát Ủy ban Châu Âu².

Mặt khác, Hiệp ước Lisbon chú trọng hơn tới các quyền cơ bản của người dân,

hướng tới khái niệm công dân châu Âu. Các quyền cơ bản được đề cập trong Hiến chương về các quyền cơ bản được các nước thành viên ký kết năm 1999 đã được “hiến pháp hóa” trong Hiệp ước Lisbon, với các vấn đề liên quan đến quyền cơ bản con người như nhân phẩm, tự do, dân chủ, bình đẳng và các khía cạnh liên quan đến quyền con người. Hiệp ước Lisbon sẽ bảo đảm tốt hơn về các quyền như tự do tôn giáo, ngôn luận và tự do thâm nhập tài liệu, cũng như bình đẳng giới, bảo vệ các quyền của trẻ em trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt nhấn mạnh bảo vệ các quyền công dân đầy đủ trên các khía cạnh kinh tế, lao động, dân sự và chính trị.

Thứ ba: Hướng tới thống nhất chính sách an ninh và đối ngoại chung, cải thiện hình ảnh của EU trên trường quốc tế.

Cùng với việc bầu ra chức Chủ tịch Thường trực, Hiệp ước Lisbon cũng bầu ra người đứng đầu cơ quan đối ngoại và an ninh – một Bộ trưởng Ngoại giao của EU, đồng thời cũng đảm nhận vị trí Phó chủ tịch Ủy ban Châu Âu, chức vụ này thuộc về bà Catherine Ashton, người Anh. Như vậy, Hiệp ước Lisbon đánh dấu sự thay đổi quan trọng của EU trong quan hệ quốc tế, với một vị Chủ tịch Châu Âu thường trực và Bộ trưởng Ngoại giao Châu Âu, với sự tham gia phê chuẩn của Quốc hội Châu Âu sẽ đem lại cho EU một tiếng nói thống nhất với các đối tác và các tổ chức quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Điều này sẽ góp phần cải thiện vị thế của Liên minh Châu Âu trong việc đối phó với

¹ Chỉ tiêu bắt buộc là khoản chi bắt nguồn trực tiếp từ những quy định của Hiệp ước hình thành Cộng đồng Châu Âu. TEC (chỉ cho các khoản liên quan đến chính sách nông nghiệp chung và lương hưu những người làm việc trong các thể chế EU). Chỉ không bắt buộc là khoản chi thực hiện theo các quyết định của thể chế EU (là tất cả các khoản chi ngoài Chính sách Nông nghiệp và Lương hưu). Cho đến khi Hiệp ước Lisbon có hiệu lực, Quốc hội EU chỉ có thẩm quyền trong phê chuẩn ngân sách không bắt buộc của Cộng đồng.

² Đề xuất của Ủy ban Châu Âu sẽ được xem xét, nếu có ít nhất 1/3 số cơ quan lập pháp các nước thành viên cho rằng đề xuất luật của Ủy ban Châu Âu vi phạm nghiêm trọng luật của các nước thành viên.

những thách thức toàn cầu hiện nay như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, an ninh truyền thống và phi truyền thống.

II. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu phân hóa Liên minh Châu Âu

1. Một số tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tới EU

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu được xem là thực sự bắt đầu tại Mỹ vào đầu tháng 8 năm 2008, khi Quỹ Tín dụng nhà Mỹ, một trong những tổ chức cho vay thế chấp kinh doanh bất động sản lớn nhất nước này, nộp đơn xin phá sản. Tiếp đó là phản ứng dây chuyền gây nên sự sụp đổ hàng loạt các ngân hàng, quỹ tín dụng, không chỉ ở Mỹ mà lan nhanh tới Tây Âu rồi ra toàn cầu, làm suy giảm thương mại, đầu tư, gia tăng nghèo đói và thất nghiệp trên toàn thế giới trong suốt thời gian vừa qua. Xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng là những động lực chính thúc đẩy kinh tế EU tăng trưởng. Thương mại toàn cầu suy giảm ảnh hưởng nghiêm trọng tới kim ngạch xuất khẩu của EU; Khủng hoảng tín dụng xuất hiện gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư của các doanh nghiệp, bởi vì có tới 3/4 tín dụng của các doanh nghiệp ở EU là do hệ thống ngân hàng đảm bảo, đồng thời chi tiêu của người dân cũng sụt giảm mạnh. Cùng với những thiệt hại về tài sản, nợ xấu dẫn tới đồ bể hàng loạt ngân hàng thì chính các nguyên nhân này làm cho kinh tế EU suy thoái trầm trọng hơn kinh tế Mỹ. Theo ước tính của Ủy ban Châu Âu, kinh tế

EU có thể giảm 4,1% GDP trong năm 2009 trong khi Mỹ giảm 2,5% GDP³.

Khủng hoảng kinh tế tài chính ở EU trong năm 2009 diễn ra theo hình chữ V lệch, sụt giảm mạnh trong quý I, chậm dần và chạm đáy vào cuối quý II, bắt đầu vượt đáy và hồi phục dần trong quý III và quý IV.

Giai đoạn quý I năm 2009 được xem là tồi tệ nhất, GDP của EU sụt giảm -2,4% so với cuối năm 2008, trong đó ở các nền kinh tế đầu tàu như Đức là -3,5%, Italia -2,7% và Pháp là -1,2%, mức giảm mạnh nhất kể từ năm 1980. Các nước Đông Âu đều chịu tác động nặng nề do thị trường xuất khẩu chính cũng như nguồn đầu tư trực tiếp, nguồn cung cấp tín dụng của họ là EU15 đều sụt giảm mạnh. Hầu hết các nước Đông Âu tăng trưởng âm trong quý I/2009. Duy nhất có Ba Lan là nước có mức tăng trưởng dương 0,1% trong thời gian này, do phụ thuộc vào xuất khẩu thấp nhất với tỷ lệ đóng góp vào GDP là 45% so với mức 70% của Hungary hay 76% của Séc.

Mức sụt giảm GDP chậm lại trong quý II của các nước sử dụng đồng Euro là 0,2% và của EU27 là 0,3%. Nhờ có chương trình kích cầu xe hơi, Đức và Pháp đều bắt đầu tăng trưởng 0,3% còn Anh và Italia vẫn tăng trưởng -0,6% và -0,5% so với quý I/2009.

Trong quý III/2009, bắt đầu giai đoạn hồi phục với tốc độ tăng trưởng kinh tế trung

³ Năm 2010: Kinh tế châu Âu đối mặt với nhiều thách thức.

<http://baodientu.chinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?ID=26529>

bình ở 27 nước thành viên EU đã dương, đạt 0,3% và tại 16 nước sử dụng đồng Euro là 0,4%. Kinh tế của Đức đạt mức tăng trưởng 0,7%; Italia tăng 0,6% còn Pháp tăng 0,3%.

Sang quý IV, tình hình tiếp tục khả quan hơn, sản xuất của 16 nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu tháng 12/2009 tăng trưởng tháng thứ 3 liên tiếp, kinh tế châu Âu thoát khỏi suy thoái kinh tế tệ hại nhất trong 6 thập kỷ. Chỉ số của khu vực sản xuất tại các nước sử dụng đồng tiền chung châu Âu tháng 12/2009 tăng lên mức 51,6 từ mức 51,2 của tháng 11/2009⁴.

Cùng với suy giảm kinh tế, hàng loạt các lĩnh vực như ngân hàng tài chính, bất động sản, các ngành sản xuất và xuất khẩu cũng chịu tác động nặng nề của khủng hoảng, trong đó, lĩnh vực ngân hàng tài chính của EU chịu tác động nặng nề nhất. Các ngân hàng châu Âu có vấn đề trầm trọng hơn hệ thống ngân hàng Mỹ mà đến nay vẫn chưa kiện toàn chấn chỉnh. Khoảng hơn 1.000 tỷ euro tài sản, tương đương 1.400 tỷ USD, thuộc loại "có vấn đề", nhưng mới 50% được kiểm tra và xác định là bị lỗ. Theo ECB, khủng hoảng tài chính đã gây ra thiệt hại cho khối ngân hàng châu Âu nhiều hơn so với dự đoán. "Báo cáo ổn định tài chính" của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) tháng 12/2009 đã nâng dự tính về khoản lỗ và sự giảm giá chứng khoán của các ngân hàng thuộc 16 nước khu vực đồng tiền chung

Eurozone phải chịu do khủng hoảng từ 65 tỷ EUR lên 386 tỷ EUR.

Hoạt động xuất khẩu suy giảm mạnh từ cuối năm 2008, và được cải thiện dần trong nửa sau năm 2009. Trao đổi thương mại của EU27 với tất cả các đối tác chính trong năm 2009 đều giảm. Tính từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2009, xuất khẩu của EU giảm mạnh nhất là sang Nga (-40%), tiếp theo là với Thổ Nhĩ Kỳ (-27%), Brazil (-23%), Hàn Quốc (-22%), và với Hoa Kỳ (-20%), xuất khẩu của EU sang Trung Quốc giảm ít nhất (-1%). So với tháng 9 thì xuất khẩu điều chỉnh theo mùa trong tháng 10/2009 đã tăng 0,2%⁵.

Đi liền với suy giảm kinh tế, xuất khẩu và sản xuất sụt giảm, là thất nghiệp gia tăng, tác động tiêu cực tới đời sống xã hội. Cho đến tháng 9/2009, mặc dù kinh tế EU đã qua đáy, bắt đầu đi lên, nhưng thị trường lao động có độ trễ chưa phục hồi ngay, tỷ lệ thất nghiệp vẫn tiếp tục tăng lên. Trong các nền kinh tế dầu mỏ, tỷ lệ thất nghiệp ở Pháp là 10%, ở Anh là 7,8%, mức cao nhất kể từ 1995, còn ở Đức là 6,4%. Nước có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất thời điểm này là Litva 19,7%, tiếp đó là Tây Ban Nha 19,3%.

Theo Văn phòng Thống kê của EU, tỷ lệ thất nghiệp điều chỉnh theo mùa trong tháng 10/2009 của khu vực sử dụng đồng Euro đã lên tới 9,8%, với tổng số người nhận trợ cấp thất nghiệp lên tới 15,567 triệu người, tăng

⁴ European Manufacturing Growth Fastest in 21 Months, www.bloomberg.com

⁵

http://epp.eurostat.ec.europa.eu/cache/ITY_PUBLIC/6-18122009-BP/EN/6-18122009-BP-EN.PDF, ngày 18/12/2009.

134.000 người so với tháng 9/2009 và là mức cao nhất kể từ tháng 12/1998. Tỷ lệ thất nghiệp của 27 nước thành viên EU cũng được thống kê ở mức 9,2% (khoảng 22 triệu người), mức cao nhất kể từ đầu năm 2000. Như vậy, so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực sử dụng đồng Euro đã tăng thêm 3,1 triệu người và của cả EU là 5 triệu người⁶.

2. Một số giải pháp chống khủng hoảng của Liên minh Châu Âu

Liên minh Châu Âu và các nước thành viên đã áp dụng hàng loạt các biện pháp chống khủng hoảng ở tầm khu vực cũng như ở từng quốc gia. Một số giải pháp chính mà EU và các nước thành viên áp dụng để đối phó với khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế trong năm 2009 là :

- Tăng cường nguồn vốn cho các ngân hàng, hạ thấp lãi suất cơ bản, hỗ trợ các doanh nghiệp:

Giữa quý II năm 2009 Ủy ban Châu Âu đưa ra tuyên bố cam kết hỗ trợ 3 ngàn tỷ Euro nhằm củng cố hệ thống ngân hàng tài chính EU, trong đó 2,3 ngàn tỷ Euro cho sơ đồ đảm bảo tài chính, 300 tỷ cho sơ đồ tái cấp vốn và khoảng 400 tỷ Euro cho các chương trình cứu trợ và tái cơ cấu. Lãi suất cơ bản đồng Euro được hạ dần từ mức 2,5% năm 2008 xuống 1,25% đầu năm 2009 và xuống 1% từ giữa tháng 5 năm 2009, mức thấp nhất từ trước đến nay và hiện vẫn đang được duy trì.

Hội đồng Châu Âu cũng thông qua một quy định nâng trần cho vay hỗ trợ của Liên minh cho các nước không thuộc khu vực đồng Euro gặp khó khăn về tài chính, từ 25 tỷ Euro lên 50 tỷ Euro, giúp các nước thành viên đối phó với khủng hoảng.

- Giảm thuế, kích cầu tiêu dùng và đầu tư:

Từ đầu tháng 3 năm 2009, EU đã cho phép chính phủ các nước thành viên giảm thuế VAT đối với các lĩnh vực dịch vụ cần nhiều lao động nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo ra nhiều việc làm, hạn chế gia tăng thất nghiệp. Các quốc gia thành viên có thể áp dụng mức giảm linh hoạt từ 5-15% đối với các mặt hàng, dịch vụ được cho là "có ảnh hưởng tích cực nhất" đối với nền kinh tế và thời gian áp dụng cũng do các nước quyết định. Nhằm kích cầu đầu tư, Ủy ban Châu Âu cũng đưa ra các dự án đầu tư vào năng lượng mới, năng lượng chuyển đổi và gió trong chương trình Năng lượng phục hồi Châu Âu.

- Nới lỏng các hoạt động trợ cấp của nhà nước đối với các doanh nghiệp:

Để đảm bảo cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp của các nước thành viên trong thị trường thống nhất, việc trợ cấp, hỗ trợ nhà nước luôn được Ủy ban Châu Âu kiểm soát rất gắt gao. Tuy nhiên, trong điều kiện khủng hoảng, qui định này được nới lỏng theo yêu cầu của các nước thành viên nhằm trợ giúp các ngân hàng và cứu các doanh nghiệp gặp khó khăn. Hỗ trợ cho mỗi

⁶ Tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực đồng Euro tăng cao.

doanh nghiệp có thể lên đến 500 ngàn Euro được cấp năm 2009 và 2010 cho những doanh nghiệp thiếu vốn trong điều kiện tín dụng ngân hàng đang bị thiếu hụt.

- *Tăng cường sự linh hoạt của các thể chế:*

Các thể chế của EU cũng như Quốc hội đã đóng một vai trò lớn hơn để phản ứng linh hoạt hơn chống khủng hoảng, đặc biệt là việc thông qua các luật mới. Liên minh đang hướng tới điều phối tốt hơn ở cấp độ EU, tăng cường vai trò của Quốc hội trong các vấn đề kinh tế và tài chính, tăng cường khả năng phân tích và dự báo, minh bạch hơn về mặt pháp lý nhằm ổn định tài chính tránh khủng hoảng sau này.

Bên cạnh các biện pháp hỗ trợ ở cấp độ EU, các nước thành viên trong Khối cũng thực hiện những biện pháp riêng của mình nhằm hạn chế tác động của khủng hoảng tài chính tới nền kinh tế quốc gia. Nhìn chung, đây là một loạt các biện pháp được gọi là "tự động ổn định" (tự động giảm thu thuế và tăng chi tiêu phúc lợi của chính phủ trong điều kiện suy giảm kinh tế) cùng với các hoạt động tài khóa linh hoạt như tăng đầu tư công, giảm thuế và hỗ trợ cho thất nghiệp. Đương nhiên thời gian và mức độ của các biện pháp kích cầu là không giống nhau ở các nước thành viên. Theo đánh giá của Ủy ban Châu Âu, khoảng 1% GDP của cả khối trong giai đoạn 2009 – 2010 được sử dụng cho các giải pháp này. Khó có thể đánh giá chính xác tác động của các gói kích cầu do phải sử dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau,

trong những thời điểm khác nhau. Tuy nhiên có một nhận xét chung là các giải pháp này đã được điều phối tốt, kịp thời và đúng mục tiêu, đặc biệt là giải pháp kích cầu xe hơi của Đức và Pháp giúp ngăn chặn đà suy giảm trong quý II. Trong cả gói kích cầu, thì kích cầu giảm thuế cho tiêu dùng chiếm 40%, giảm thuế cho doanh nghiệp 20%, đầu tư công 20%, đầu tư hạ tầng 10%, hỗ trợ thị trường lao động là 10%.

3. Dự báo tình hình và phương hướng chính sách của EU năm 2010

Mặc dù đã thoát ra khỏi đáy khủng hoảng vào quý III và có những dấu hiệu hồi phục tích cực dựa vào sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu cùng với các biện pháp chống khủng hoảng vẫn tiếp tục được triển khai, nền kinh tế EU vẫn phải đối phó với hàng loạt các thách thức trong năm 2010. Ba thách thức lớn có thể chi rõ là:

- *Thứ nhất*, tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục gia tăng. Ủy ban Châu Âu đưa ra dự đoán tỷ lệ thất nghiệp trong EU sẽ lên hơn 10% vào năm 2010 và khu vực sử dụng đồng Euro sẽ tăng lên 10,7% vào năm 2010 và 10,9% vào năm 2011⁷.

- *Thứ hai*, thâm hụt ngân sách và nợ công tăng nhanh quá qui định cho phép:

Ủy ban Châu Âu dự đoán rằng, năm 2009, thâm hụt ngân sách của các nước thành viên sẽ chiếm tỷ trọng 6,4% của GDP,

⁷ Thị trường lao động EU chao đảo do khủng hoảng.

nợ cộng chiếm 78.2% trong tổng GDP⁸. Trong điều kiện phải tiếp tục duy trì các biện pháp hỗ trợ kinh tế, các khoản thâm hụt và nợ này sẽ có thể còn tiếp tục gia tăng, trong khi theo qui định của Liên minh Kinh tế tiền tệ, thâm hụt ngân sách không được vượt quá 3% GDP, còn nợ nhà nước không quá 60% GDP, nên EU đã yêu cầu các thành viên phải phấn đấu tuân thủ các tiêu chuẩn này vào năm 2013.

- *Thứ ba*, quá trình hồi phục này diễn ra không đồng đều giữa các nước thành viên, sự phân hóa diễn ra không chỉ ngay trong khu vực sử dụng đồng Euro mà còn đặc biệt gay gắt giữa các thành viên cũ và mới. Trong khi tình hình ở Tây Âu đã sáng sủa hơn thì các nước thành viên mới Đông Âu, đặc biệt là Hungary và các nước vùng Bantic, đang còn gặp khó khăn nặng nề. Trong khi tỷ lệ thất nghiệp của Hà Lan là 3.5% và Áo là 4.7% thì của Latvia lên tới 19.7% và của Tây Ban Nha là 19.3%. Về thâm hụt ngân sách cũng cho thấy những khoảng cách khó khắc phục, trong khi Đức ở mức độ 3.7% GDP thì Hy Lạp có thể lên tới 13% GDP còn Tây Ban Nha ước tính tới 11% GDP. Mức độ thâm hụt ngân sách cũng như nợ nước ngoài của các thành viên Đông Âu cũng rất đáng lo ngại: Rumani thâm hụt 12% GDP, Bungary tới 21% GDP, nợ nước ngoài của Hungary lên tới 83% GDP. Một sự tương phản nữa là trong khi mức lạm phát so với cùng kỳ năm trước trong tháng 9/2009 giữa các nước

thành viên có sự khác biệt lớn, trong khi ở một số nước thiếu phát như Ireland là -3.0%, Bồ Đào Nha là -1.8% và Estonia là -1.7% thì ở Rumany là 4.9%, Hungary là 4.8% và Ba Lan là 4.0%⁹. Sự không đồng nhất này thể hiện sự bất ổn định trong việc kết hợp chính sách chống khủng hoảng cũng như các chính sách liên kết kinh tế - tiền tệ của EU trong giai đoạn hiện nay và trong tương lai.

Ủy ban Châu Âu dự báo, kinh tế 16 nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu sẽ tăng trưởng 0.7% trong năm 2010 và 1.5% trong năm 2011, còn IMF dự báo kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu sẽ tăng trưởng 0.3% trong năm 2010, và tỷ lệ thất nghiệp năm 2010 là 11.7%¹⁰.

Tóm lại, trong năm 2009, trong Liên minh Châu Âu diễn ra sự kiện chính trị trọng đại, Hiệp ước Lisbon được phê chuẩn và bắt đầu có hiệu lực thể hiện nỗ lực tăng cường liên kết, nhất thể hóa của EU. Tuy nhiên, nền kinh tế EU chịu tác động nặng nề của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu và làm phân hóa các nước thành viên cũ và mới. Mặc dù có những dấu hiệu tích cực, nhưng EU vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức, quá trình phục hồi này còn kéo dài và không bằng phẳng, có thể diễn biến theo hình đích dắt, các nguy cơ tiếp tục thất nghiệp, thâm hụt ngân sách, gia tăng nợ công, bong bóng đầu cơ là hiện hữu trong

⁸ EU gia hạn cho thâm hụt ngân sách, <http://viti.vn.com.vn/MucTin/KinhTe/ChinhSach/LA69750/default.htm>

⁹ http://epp.eurostat.ec.europa.eu/cache/ITY_PUBLIC/2-15102009-AP/EN/2-15102009-AP-EN.PDF ngày 15/10/2009.

¹⁰ <http://taichinhquocte.com/BanTin/?BanTin=1736&Linhvuc=3&NgayThang=4/11/2009&Linksto=>

năm 2010. Mới đây, tân Chủ tịch Liên minh Châu Âu Herman Van Rompuy đưa ra nhận định: *"Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới sẽ tiếp tục gây tác động tiêu cực trong năm 2010, có thể làm giảm các nguồn đầu tư, khiến triển vọng kinh tế dài hạn của 27 nước thành viên Liên minh Châu Âu vẫn âm ảm trong thời gian tới"*¹¹.

4. Một số tác động tới Việt Nam

Năm 2009, do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU giảm 14,4%, đạt 9,3 tỷ USD, tuy nhiên EU vẫn là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam (sau Mỹ 11,2 tỷ USD). Trong đó: Hàng dệt may xuất khẩu đạt 1,7 tỷ USD, giảm 3,1%; Thủy sản đạt 1,1 tỷ USD, giảm 5,7 %; Sản phẩm giày, dép xuất ước tính đạt 1,9 tỷ USD, giảm 23,2%. Khủng hoảng còn dẫn tới việc gia tăng chủ nghĩa bảo hộ trong Liên minh Châu Âu, mà việc kéo dài thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá đối với giày mũ da Việt Nam vừa rồi là một ví dụ¹². Về hợp tác đầu tư, EU là nhà đầu tư FDI lớn thứ hai của Việt Nam sau Nhật Bản với tổng vốn đầu tư giải ngân hơn 7 tỷ USD. EU cũng đã cam kết tài trợ vốn ODA cho năm 2010 rất lớn: Ủy ban Châu Âu cam kết 331 triệu USD, các nước thành viên EU là 1,082 tỷ USD.

Trong năm 2009, việc đàm phán kí kết Hiệp ước Hợp tác đối tác được thúc đẩy mạnh mẽ. Cũng trong năm 2009 đã diễn ra các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa Việt Nam với các nước thành viên EU, và Việt Nam xác định nâng quan hệ với Tây Ban Nha lên tầm đối tác chiến lược của mình.

Năm 2010 là năm kỉ niệm 20 năm ngày Việt Nam và Liên minh Châu Âu chính thức đặt quan hệ ngoại giao, EU đã, đang và sẽ là đối tác quan trọng của Việt Nam¹³. Việc hợp tác với EU trong thương mại và đầu tư cần tiếp tục gia tăng, đặc biệt Việt Nam cần tăng cường hợp tác trong lĩnh vực kinh tế xanh, trong triển khai hợp tác nhằm đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu¹⁴.

Sau khi Hiệp ước Lisbon có hiệu lực, quá trình hoạch định chính sách của EU thống nhất hơn, đặc biệt trong lĩnh vực đối ngoại, cùng với việc Việt Nam là Chủ tịch Thường trực ASEAN, đây sẽ là những yếu tố thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình tiến tới kí kết Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện trong năm 2010, góp phần thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện giữa EU với Việt Nam nói riêng và với ASEAN nói chung.

¹³ Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ ngày 28/11/1990 và ngày 17/7/1995 đã đánh dấu mốc quan trọng trong quan hệ ngoại giao Việt Nam - EU với việc ký kết Hiệp định khung về hợp tác, thiết lập các nguyên tắc cơ bản nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa hai bên.

¹⁴ Giáo sư Krugman cho rằng chính việc đầu tư và phát triển thương mại theo hướng kinh tế xanh, cơ chế sạch sẽ có tác động cả về tầm vĩ mô và vi mô giúp cho các nước vượt qua giai đoạn suy thoái, hướng tới phát triển bền vững.

¹¹

<http://vneconomy.vn/20100112113357151P0C99/nam-2010-kinh-te-eu-van-am-dam.htm>

¹² Ngày 22/12, các Bộ trưởng Liên minh Châu Âu (EU) đã thông qua quyết định kéo dài thời hạn áp thuế chống bán phá giá đối với giày mũ da của Việt Nam thêm 15 tháng kể từ ngày 1/1/2010.